

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN THÔNG

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thừa Thiên Huế
Email: dhammavams@gmail.com

Tóm tắt: Lịch sử giáo dục Phật giáo Việt Nam hiện đại bắt đầu vào thập niên 30 thế kỉ XX với các phong trào chấn hưng Phật giáo và tiến đến giao lưu với cộng đồng Phật giáo quốc tế vào các thập kỉ 50, 60, 70 thế kỉ XX rồi bị gián đoạn khách quan bởi thời cuộc gần hai thập kỉ. Tương tự như nền giáo dục thế tục của đất nước, giáo dục Phật giáo Việt Nam đang gặp rất nhiều vấn đề bất cập trong giảng dạy, đào tạo và phát triển. Giáo dục Phật giáo được nghiên cứu từ nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Các nhà Phật học, giới nghiên cứu văn hóa - xã hội, lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần xem trọng và góp sức, chung tay thực hiện mọi hoạt động nhằm đưa nền giáo dục Phật giáo nước ta hội nhập với cộng đồng Phật giáo quốc tế trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Giáo dục Phật giáo; hội nhập quốc tế; toàn cầu hóa.

(Nhận bài ngày 30/9/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 10/10/2017; Duyệt đăng ngày 25/12/2017).

1. Đặt vấn đề

Phật giáo là một trong các tôn giáo lớn mang tính toàn cầu và có lịch sử tồn tại hơn 2.600 năm. Phật giáo có số lượng kinh điển ghi chép lại giáo huấn của đức Phật Gotama Sakyamuni (Cổ-đàm Thích-ca Mâu-ni) theo văn tự Pāli Latin-Roma nhiều gấp 11 lần Kinh Thánh của Thiên Chúa giáo và rất đa dạng, phong phú về nội dung, thể loại.

Tại Việt Nam, từ năm 1930, giáo dục (GD) Phật giáo đã hình thành với đặc thù về nền Phật học mang tính dân tộc qua các tổ chức như: Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, Hội An Nam Phật học, Hội Lương Xuyên Phật học, Hội Phật giáo Bắc Kỳ, Tổng hội Phật giáo Việt Nam,... [1]. Hiện nay, trong bối cảnh hội nhập quốc tế (HNQT) và toàn cầu hóa, GD Phật giáo Việt Nam cần thích ứng với xu hướng GD Phật học quốc tế là điều kiện tất yếu để tồn tại, giao lưu và phát triển. Việc nghiên cứu GD Phật học trên thế giới là bước đầu tiếp cận với xu thế chung này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan về giáo dục Phật giáo ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay

Phật giáo là một trong các tôn giáo lớn của nhân loại và có lịch sử tồn tại lâu đời nhất. Hiện nay, các quốc gia có số lượng tín đồ Phật giáo đông đảo tập trung ở Đông Nam Á, còn lại là một số nước ở Nam Á và Đông Bắc Á. Với ảnh hưởng to lớn và sâu rộng từ quá khứ đến hiện đại, từ Đông sang Tây, Phật giáo đã được rất nhiều nhà nghiên cứu, nhà khoa học, thức giả trên thế giới quan tâm tìm hiểu về mọi phương diện như lịch sử, triết lí, đạo đức, văn hóa, văn học, nghệ thuật,... đặc biệt là GD.

Khái quát về sự xuất hiện và phát triển của Phật giáo ở Ấn Độ, sau đó được truyền bá rộng rãi ra các nước trên thế giới, tác giả Andrew Skilton trong công trình biên khảo *Đại cương lịch sử Phật giáo thế giới* đã giới

thiệu bao quát về sự phát triển của Phật giáo ở Ấn Độ và các nước trên thế giới. Các trường phái chính của Phật giáo Đại thừa như Trung Quán tông (Madhyamaka), Duy Thức tông (Yogācāra) và Mật tông (Tantric Buddhism) cũng như một số học thuyết quan trọng của Phật giáo Đại thừa đều được đề cập đến. Ngoài ra, nguyên nhân của sự suy tàn Phật giáo tại Ấn Độ cũng là mối quan tâm của tác giả. Riêng về phần Phật giáo ở ngoài Ấn Độ, tác giả chỉ giới thiệu các nước thuộc châu Á như Nepal, Tích Lan, Miến Điện, Campuchia, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam, Tây Tạng, Mông Cổ, Ba Tư (nay là Iran) và vài nước Trung Á [2].

Donald K. Swearer, trong tác phẩm *Thế giới Phật giáo ở Đông Nam Á*, khi nghiên cứu về xã hội Đông Nam Á bao gồm Thái Lan, Miến Điện, Lào, Campuchia (có kèm thêm Sri Lanka) đã cho thấy rằng, Phật giáo Nguyên thủy ở Đông Nam Á là một hệ tư tưởng và hành động phức tạp, không ngừng hoạt động, ăn sâu vào văn hóa, xã hội và lịch sử của các nước. Đầu tiên là truyền thống phổ biến các biểu tượng sống được nhân cách hóa trong thần thoại và truyền thuyết, nghi thức, lễ kỉ niệm, lễ hội, các dịp tế lễ. Thứ hai là mối quan hệ giữa Phật giáo và Nhà nước, dùng vua Asoka như một hình mẫu kinh điển về một quốc gia/hoàng gia Phật giáo; thảo luận về mối quan hệ của vũ trụ học và vương quyền cũng như chi tiết về sự nổi lên của các nhà lãnh đạo chính trị Phật giáo có uy tín trong thời kì hậu thuộc địa. Thứ ba là sự chuyển đổi hiện đại của Phật giáo: Sự thay đổi vai trò của các nhà sư và Phật tử tại gia/cư sĩ, phong trào cải cách hiện đại, vai trò của phụ nữ và Phật giáo ở phương Tây [3].

Tác giả Phạm Minh Hạc trong bài nghiên cứu *Giá trị Phật giáo và việc đúc kết xây dựng giá trị chung của người Việt Nam trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập* đã đề cập đến việc nghiên cứu Giá



trị học ở Việt Nam từ thập niên cuối của thế kỉ XX đến nay; nêu lên một số kết quả nghiên cứu, điếm qua lịch sử nghiên cứu Giá trị học, bộ công cụ, 10 tiêu chí giá trị đã hình thành nên Hệ giá trị Việt Nam. Riêng đối với vấn đề nghiên cứu Giá trị học Phật giáo, tác giả tự nhận mình là “người học trò nhỏ” và nhắc lại nhận xét của GS. Nguyễn Văn Huyền về đạo Phật: “*Đạo Phật phát huy ảnh hưởng rất sâu ở Việt Nam. Chỉ rất ít người Việt Nam không tự cho mình là Phật tử*” [4].

Trước những hiện tượng suy thoái đạo đức nghiêm trọng của xã hội hiện nay, nhất là trong giới trẻ, hai tác giả Đặng Văn Chương và Trần Đình Hùng có ý tưởng *Vận dụng tư tưởng Phật giáo vào việc GD đạo đức, lối sống cho học sinh - sinh viên Việt Nam*. Bài viết của hai tác giả này phát biểu mạnh mẽ: Trải qua gần hai thiên niên kỉ có mặt, tồn tại và cùng thịnh suy với dân tộc Việt Nam, Phật giáo đã để lại nhiều ảnh hưởng sâu sắc về lịch sử, văn hóa và xã hội. Triết lí sống từ bi hỉ xả, khuyến thiện của Phật giáo đã đi vào lòng người, có tác dụng hoàn thiện nhân cách, đạo đức, hướng con người đến lối sống vị tha, bình đẳng và bác ái. Trong bối cảnh văn hóa, kinh tế, chính trị hiện nay, chúng ta cần phát huy mạnh mẽ những giá trị tích cực của tôn giáo này để góp phần xây dựng nền tảng đạo đức của con người Việt Nam nói chung và thế hệ học sinh - sinh viên nói riêng [5].

Nhà nghiên cứu Hudaya Kandahjaya trong tác phẩm *Đóng góp bền vững của Đạo Phật đối với việc GD cho phát triển toàn cầu* cho rằng, tính hiệu quả của hệ thống GD cổ điển đi ngược lại với sự tiến bộ của xã hội có liên quan đến nguồn nhân lực. Đi ngược với hệ tư tưởng này, Đạo Phật thực sự không những có thể đưa ra thí dụ điển hình thay thế mà còn đưa ra được mô hình hoạt động cụ thể, qua đó, một xã hội có thể tạo ra những tiến bộ cân bằng về cả vật chất lẫn tinh thần. Một bước khởi đầu và mô hình tiên phong sẵn sàng đến từ kinh Gaṇḍavyūha Sutra mà ta có thể sửa đổi, bổ sung thêm nhằm tạo ra một hệ thống GD hiệu quả [6].

Tác giả G.T. Maurits Kwee trong bài nghiên cứu *Một chương trình giảng dạy về Tâm lí học Phật giáo và trị liệu/huấn luyện* tập trung vào các chủ đề của Tâm lí học trong Phật giáo. Theo tác giả, sự chuyển đổi nghiệp căn bản là một phạm trù thuộc Tâm lí học Phật giáo, là một biểu hiện về hành vi của nhận thức được nghiên cứu từ trong kinh điển, được biên tập và hỗ trợ bởi các học giả và hành giả trong nhiều lĩnh vực. Tác giả đề xuất sự ra mắt cụ thể của một chương trình giảng dạy trình độ đại học để bảo đảm sự chuyển đổi nghiệp cho thế hệ sau [7].

Các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học nêu trên đã đề cập các vấn đề cơ bản như sau:

Lịch sử Phật giáo thế giới theo cách tiếp cận của ngành khoa học lịch sử, loại bỏ các yếu tố thần thoại và nặng màu sắc tín ngưỡng; dựng lại bối cảnh lịch sử và tư tưởng Ấn Độ trước và sau khi đức Phật và đạo Phật ra đời; con đường hoàng pháp của đức Phật; sự hình thành các tông phái Phật giáo của các giai đoạn sau; phân tích các nguyên nhân dẫn đến sự suy tàn của Phật giáo tại Ấn

Độ và sự tồn tại, phát triển đạo Phật ở các quốc gia Nam Á, Đông Nam Á, Đông Bắc Á và một số nước ở Trung Cận Đông trong nhiều thế kỉ trước.

Phân tích ảnh hưởng của Phật giáo Nguyên thủy đối với các nước Đông Nam Á và Tích Lan thể hiện qua 3 khía cạnh khác nhau là: Truyền thống phổ biến các biểu tượng sống được nhân cách hóa trong thần thoại và truyền thuyết cùng với các hình thức nghi lễ; Đê cao vai trò một vị vua cai trị đất nước theo Phật pháp (Đại đế A-dục ở Ấn Độ); Tính thích ứng kì diệu của Phật giáo đối với xã hội hiện đại qua các phong trào cải cách.

Đạo đức Phật giáo và đóng góp của GD Phật giáo về giá trị sống trong quá khứ lẫn hiện đại cho thấy ảnh hưởng sâu rộng, hiệu quả của GD Phật giáo trong xã hội Việt Nam qua các thời đại; đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, khi đạo đức lối sống của một bộ phận giới trẻ đang chệch hướng nghiêm trọng, cần phát huy mạnh mẽ tính tích cực của Phật giáo để tái lập nền tảng đạo đức của con người đang bị hoang tính chi phối phần lớn.

Phê phán hiệu quả hạn chế của hệ thống GD cổ điển đồng thời giới thiệu mô hình GD Phật giáo, qua đó, một xã hội có thể tạo ra những tiến bộ cân bằng về cả vật chất lẫn tinh thần.

Giáo lí “*Nghiệp và chuyển nghiệp*” của Phật giáo cần được phổ biến, giảng dạy ở bậc Đại học để giúp chuyển đổi *NGHIỆP* (hành vi và hậu quả của hành vi) cho thế hệ sau là giải pháp, liệu pháp hữu hiệu nhằm đối phó, giải quyết các vấn đề ngày càng phức tạp, rối ren của xã hội hiện đại.

2.2. Một số khái niệm

2.2.1. Giáo dục Phật giáo

GD Phật giáo là GD có tính chất đặc thù của Phật giáo và hướng đến phục vụ đối tượng là các tín đồ Phật giáo gồm cả hai giới: Xuất gia và tại gia trong xã hội. Hiện nay, trên thế giới có ba truyền thừa Phật giáo lớn là: Theravāda/Nguyên thủy hay Nam tông, Mahāyāna/Đại thừa hay Bắc tông và Vajrayāna/ Tantrayāna/Kim cương thừa hay Mật tông. Mỗi truyền thừa có hệ thống GD mang nét đặc thù riêng. Tuy vậy, nền GD của ba tông phái chính này đều đặt nền tảng trên các nội dung sau:

a) Mục tiêu của GD Phật giáo

Mục đích tối hậu và cao nhất của một người tu hành theo Đạo Phật, dù xuất gia hay tại gia, là giác ngộ và giải thoát. Để đạt được điều này, các vị tăng ni phải hoàn thiện bản thân bằng quá trình GD trường kì theo lộ trình Tam học: Giới, Định, Tuệ hoặc 37 yếu tố đưa đến giác ngộ: Tứ Niệm xứ, Tứ Chánh cần, Tứ Như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát Thánh đạo... Khác với các hệ thống GD thế tục, GD Phật giáo là nền GD hướng nội; mọi kiến thức được truyền dạy cho người học nhằm chuyển hóa nội tâm, diệt trừ mê tối, đạt được trí tuệ, an lạc, sáng suốt.

Đối với hầu hết Phật tử cư sĩ tại gia, con đường tu học là thọ trì Tam quy, Ngũ giới hoặc Bát giới, hành trì Thập thiện hạnh, Bồ thí, Tham thiền, thực hiện các phận sự đối với gia đình, gia tộc, cộng đồng, quốc gia, xã hội

và trên hết là phụng thờ Tam Bảo. Các mục tiêu từng phần này giúp người Phật tử điều chỉnh lại nhân cách, góp phần xây dựng cộng đồng, xã hội tốt đẹp hơn; khi có đủ điều kiện, tiếp tục tu học để hướng đến mục đích tối hậu là giác ngộ, giải thoát toàn triệt.

b) Các tính chất cơ bản của GD Phật giáo

Hai phương diện triết học Phật giáo cần nghiên cứu là: Bản thể luận và Nhân sinh quan.

Bản thể luận: Dưới cái nhìn của đức Phật, có ba phạm trù phổ biến trên thế gian mà người tu hành theo Đạo Phật cần phải nhận thức đúng bản chất là: Vô thường, khổ và vô ngã. Trong đó, khổ thuộc về nhân sinh quan, hai phạm trù còn lại thuộc bản thể luận.

Vô ngã: Theo Phật giáo Nguyên thủy, mọi hiện tượng vật chất đều không có thực thể, không thể tự tồn tại mà do tứ đại (đất, nước, lửa, gió) hòa hợp tạo nên; với các chúng sinh như loài người thì do năm yếu tố hợp lại hình thành. Thuật ngữ Phật học phân năm yếu tố này thành hai nhóm là *Danh* và *Sắc*. *Sắc* là hình khối vật chất, *Danh* bao hàm bốn yếu tố: *Thọ* (cảm giác); *Tưởng* (tri giác); *Hành* (phản ứng tâm lí); *Thức* (dòng sống). Nhận thức về cái Ta là do ảo kiến, ảo tưởng của mỗi người đề ra, áp đặt lên. Khổ sâu, phiền muộn từ đó phát sinh.

Vô thường: Bản chất của sự vật hiện tượng, dù hữu hình hay vô hình, dù thuộc lĩnh vực vật chất hay lĩnh vực tinh thần, tâm lí là biến chuyển, đổi thay liên tục. Sự vận động, chuyển biến của thế giới sự vật hiện tượng là vô thủy vô chung, được thúc đẩy từ bên trong (tức tự thân vận động theo luật nhân quả) và do tương tác với các điều kiện (tức theo lí duyên sinh/nhân duyên).

Duyên sinh: Điều kiện giúp cho nhân thành quả rồi chính quả ấy lại trở thành nhân cho một quả khác. Duyên sinh được hệ thống hóa thành *lí Duyên khởi* gồm 12 duyên cần phải thấy rõ như sau: Vô minh duyên Hành; Hành duyên Thức (Kiết sinh thức); Thức duyên Danh sắc; Danh sắc duyên Lục nhập; Lục nhập duyên Xúc; Xúc duyên Thọ; Thọ duyên Ái; Ái duyên Thủ; Thủ duyên Hữu; Hữu duyên Sinh; Sinh duyên Lão tử; cùng với Sinh và Lão tử là toàn bộ sầu, bi, khổ, ưu, não sinh khởi.

Từ các đặc tính trên, mọi sự vật hiện tượng luôn luôn biến đổi theo chu trình: Đối với vũ trụ: Thành - trụ - hoại - không; Đối với sinh vật: Sinh - trụ - dị - diệt; Đối với loài người: Sinh - lão - bệnh - tử.

Nhân sinh quan: Tiếp nhận tư tưởng về luân hồi và nghiệp báo từ Upanishad nhưng được luận giải và nâng lên thành hệ thống, đặc biệt nhấn mạnh và đề cao vai trò của ý thức như yếu tố quyết định.

Thuyết luân hồi: Nội dung chính là một vật mất đi ở chỗ này không phải hoàn toàn tiêu mất mà tiếp tục được sinh ra ở nơi khác, dạng khác. Do vậy, sự mất đi của sự vật hiện tượng này là điều kiện xuất hiện của sự vật hiện tượng khác.

Nghiệp báo: Nghiệp tức hành vi tạo tác; báo là hậu quả do hành vi ấy mang lại. Có ba nơi sinh ra nghiệp: Nghiệp do thân; Nghiệp do khẩu (miệng); Nghiệp do ý. Căn cứ vào tính chất thiện ác, nghiệp được phân ra

thành: Nghiệp thiện và nghiệp ác. Phật giáo quan niệm sự sống của tất cả chúng sinh do duyên sinh. Mặt khác, hạnh phúc hay khổ đau của con người do chính hành vi của con người quyết định. Vận mạng của mỗi người đều nằm trong tay của mình.

Từ nhận thức này, Đạo Phật vạch ra con đường giải thoát khổ đau theo một lộ trình biện chứng hết sức chặt chẽ.

Tứ Diệu đế (hay Nhận thức về đời người và lộ trình thoát khổ): Tứ Diệu đế hay Tứ Thánh đế là phần giáo lí chủ yếu của Phật giáo:

Khổ đế: Sự thật về bản chất khổ của nhân sinh, thu tóm thành 8 loại sau: Sinh khổ, bệnh khổ, lão khổ, tử khổ, ái biệt lí khổ, oán tăng hội khổ, cầu bất đắc khổ, chấp thủ ngũ uẩn khổ.

Tập đế: Sự thật về nguyên nhân sinh khổ là vô minh và ái dục.

Khổ đế được xem là hiện tượng, là quả; Tập đế là bản chất, là nhân.

Diệt đế: Khổ do các điều kiện mà phát sinh. Nếu loại trừ được điều kiện ấy có thể chấm dứt được khổ. Đây là sự thật cần phải được hiểu biết, được thấu đáo và được đạt đến.

Đạo đế: Sự thật về con đường thoát khổ. Bằng cách đi theo lộ trình có 8 phần này, một người có thể dứt bỏ được các khổ đau và trói buộc: Chính kiến; Chính tư duy; Chính ngữ; Chính nghiệp; Chính mạng; Chính tinh tiến; Chính niệm; Chính định. Tám chi của Đạo đế lại được chia thành ba nhóm là: Chính kiến, chính tư duy thuộc Tuệ học; Chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng thuộc Giới học; Chính tinh tiến, chính niệm, chính định thuộc Định học.

Diệt đế là quả; Đạo đế là nhân.

c) Triết lí của GD Phật giáo

- Tính nhân bản (lấy con người làm gốc)

Về mặt tín ngưỡng, mặc dù chấp nhận sự hiện hữu của nhiều cảnh giới cao thấp khác nhau (Tam đồ, Lục đạo; Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; Tam thiên đại thiên thể giới) nhưng Đạo Phật không sùng bái, phục tùng bất kì bậc thần thánh, chủ tể nào. Trái lại, Phật giáo đặt niềm tin vào con người, xác tín con người chính là Thượng đế của chính mình, đau khổ hay hạnh phúc của con người do chính con người quyết định, tạo nên.

- Tính bình đẳng (không phân biệt giai cấp, giới tính)

Về mặt chính trị - xã hội, mặc dù không chủ trương cải tạo xã hội Ấn Độ thời bấy giờ vốn đầy rẫy áp bức, phân chia giai cấp nặng nề... nhưng triết lí Phật giáo thực sự phản ứng, không chấp nhận các bất công phi lí của xã hội do tư tưởng Bà-la-môn giáo và Vedanta áp đặt. Phật giáo nâng đỡ, xem trọng nữ giới bằng cách cho họ xuất gia tu học như nam giới; trong khi đó, cho đến nay, thân phận người phụ nữ ở Ấn Độ, nhất là tại thôn quê và trong giới lao động nghèo, vẫn rất thấp, thường xuyên bị chà đạp, lăng nhục.

- Mở rộng thương yêu, chia vui sót khổ cùng cộng đồng (Từ bi hi xả)



Về mặt nhân sinh, triết lý Phật giáo khuyên con người sống phải có lòng từ bi bác ái với tha nhân và tôn trọng sự sống, môi trường sống; phải có tâm hỉ xả đối với cá nhân, cộng đồng không phân biệt chủng tộc, màu da, tôn giáo, tín ngưỡng, văn hóa...

- *Đề cao ý thức tự học, tự chủ, không nô lệ*

- *Tôn trọng sự thật, đặc biệt là sự thật về cái Khổ và sự thật về Con đường thoát Khổ*

2.2.2. Toàn cầu hóa

Về cơ bản, *toàn cầu hóa* là thuật ngữ dùng để mô tả các thay đổi được tạo nên từ mối liên kết và trao đổi ngày càng gia tăng, phát triển giữa quốc gia này với một hay nhiều quốc gia khác, giữa các tổ chức hay các cá nhân ở nhiều lĩnh vực như văn hóa, kinh tế, nghệ thuật, kiến trúc,... trên phạm vi toàn cầu. Về phương diện kinh tế - lĩnh vực thường được xem là có ảnh hưởng lớn nhất của *toàn cầu hóa*, nội hàm của dụng ngữ này được dùng để chỉ các tác động của thương mại nói chung và *tự do hóa thương mại* nói riêng. Theo kênh này, dòng vốn ở quy mô toàn cầu thường lôi kéo theo các dòng chảy mậu dịch, kĩ thuật, công nghệ, thông tin, văn hóa,...

Trong ý nghĩa đơn giản và khách quan, *toàn cầu hóa* là sự phụ thuộc qua lại không ngừng giữa các quốc gia và các cá nhân diễn ra trên nhiều lĩnh vực như: Kinh tế, công nghệ, môi trường, văn hóa, GD, xã hội,...

2.2.3. Hội nhập quốc tế

HNQT là khái niệm mới xuất hiện trong vài thập kỉ gần đây và có nhiều cách hiểu khác nhau. Tuy nhiên, các cách hiểu này đều quy về hai nội dung:

a) "HNQT là quá trình các quốc gia tiến hành xây dựng, thương lượng, kí kết và tuân thủ những cam kết quốc tế song phương, đa phương và toàn cầu về các lĩnh vực thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác có liên quan nhằm đảm bảo tính tương thích giữa hệ thống kinh tế quốc gia với hệ thống kinh tế quốc tế, khu vực và toàn cầu trên cơ sở những nguyên tắc và quy định thống nhất". Thể hiện qua việc thống nhất các chính sách, luật pháp và các quy định có tính chất pháp lí khác của quốc gia với những nguyên tắc, thông lệ và tập quán quốc tế.

b) "HNQT là quá trình các quốc gia loại bỏ dần các rào cản để hoạt động thương mại, di chuyển các yếu tố sản xuất và thanh toán quốc tế diễn ra một cách thuận lợi". Nội hàm này xem HNQT đồng nghĩa với quá trình tự do hóa kinh tế trên quy mô toàn cầu.

Quan niệm tương đối phổ biến hiện nay là: "Hội nhập kinh tế quốc tế là sự gắn kết nền kinh tế của mỗi quốc gia vào các tổ chức hợp tác kinh tế khu vực và toàn cầu, trong đó, các nước thành viên chịu sự ràng buộc theo những quy định chung của cả khối. Nói cách khác, hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình các quốc gia thực hiện mô hình kinh tế mở, tự nguyện tham gia vào các định chế và tài chính quốc tế, thực hiện thuận lợi hóa và tự do hóa thương mại, đầu tư và các hoạt động kinh tế đối ngoại khác" [8].

2.3. Tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đối với giáo dục Phật giáo hiện nay

Đối với GD Phật giáo, tác động của toàn cầu hóa và HNQT thể hiện ở cả hai mặt tiêu cực lẫn tích cực. Một số hệ quả của vấn đề có thể nhìn thấy như:

a) Sự phát triển của kinh tế thị trường sản sinh ra quá nhiều của cải vật chất và thường xuyên thay đổi mẫu mã gợi mở lòng tham đắm vật dục của con người thời đại nhiều hơn, trong đó có Tăng Ni, Phật tử các giới.

b) Công nghệ thông tin, phương tiện nghe nhìn ngày càng phát triển cao, nhiều và có được dễ dàng tuy giúp Tăng Ni, Phật tử có được thông tin nhanh, phong phú, cập nhật nhưng các thông tin độc hại cũng thường xuyên có mặt gây thương tổn.

c) Phật giáo là tôn giáo hướng nội. Tuy GD Phật giáo chủ yếu là *GD hướng nội* nhưng trước xu thế toàn cầu hóa hiện nay, muốn tồn tại và phát triển, GD Phật giáo buộc phải thay đổi và làm mới mình thường xuyên dựa trên tiếp cận Vô thường và Duyên sinh của giáo lí Phật-đà.

d) Quốc tế hóa tri thức; giao lưu học hỏi, nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm GD giữa các cơ sở GD Phật giáo toàn cầu và các cơ sở GD thế tục quốc tế đã và đang diễn ra giúp các hệ thống GD Phật giáo các nước thoát khỏi tình trạng cục bộ quốc gia hoặc cục bộ hệ phái, tông thừa (dòng/truyền thừa).

3. Kết luận

Lịch sử GD Phật giáo Việt Nam hiện đại có thể nói bắt đầu vào thập niên 30, thế kỉ XX với các phong trào chấn hưng Phật giáo và tiến đến giao lưu với cộng đồng Phật giáo quốc tế vào các thập kỉ 50, 60, 70 của thế kỉ XX. Bị gián đoạn khách quan bởi thời cuộc gần hai thập kỉ nên mãi cho đến những năm cuối của TK XX, việc giao lưu, trao đổi, học hỏi và nghiên cứu của giới Phật giáo trong nước với các tổ chức Phật giáo, các giáo hội Phật giáo, các nhà nghiên cứu, hành giả trong khu vực và trên khắp thế giới mới được tái lập. GD Phật giáo Việt Nam đang gặp rất nhiều vấn đề trong dạy dỗ, đào tạo và phát triển.

Để có thể hội nhập với cộng đồng Phật giáo quốc tế trong bối cảnh hiện nay và cùng nhau hành động vì một thế giới hòa bình, không hận thù, chiến tranh và giúp nhau cùng phát triển, hướng đến cuộc sống hạnh phúc, công tác nghiên cứu GD Phật giáo từ nhiều góc độ tiếp cận khác nhau cần được các nhà Phật học, giới nghiên cứu văn hóa - xã hội, lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam xem trọng và góp sức, chung tay thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

[1] Thích Thiện Nhơn, (2012), *Kiểm yếu hội thảo Giáo dục Phật giáo Việt Nam: Định hướng và phát triển*, *Giáo dục Phật giáo - Sự kế thừa và phát triển*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
[2] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, (1996), *Kinh Tăng Chi bộ*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, Cục Xuất bản cấp giấy phép, Thành phố Hồ Chí Minh.
[3] Donald K. Swearer, (2010), *The Buddhist World of*

Southeast Asia, published by State University of Newyork Press, Albany.

[4] Phạm Minh Hạc, (2012), *Giá trị Phật giáo và việc đúc kết xây dựng giá trị chung của người Việt Nam trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.

[5] Đặng Văn Chương và Trần Đình Hùng, (2012), *Kỷ yếu hội thảo Giáo dục Phật giáo Việt Nam: Định hướng và phát triển, Vận dụng tư tưởng Phật giáo vào việc giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh - sinh viên Việt Nam*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.

[6] Hudaya Kandahjaya (Nguyễn Thư Hằng dịch), (2014), *Đóng góp bền vững của Đạo Phật đối với việc giáo dục cho phát triển toàn cầu*, NXB Ban Tổ chức Đại lễ Vesak Liên hiệp quốc, Việt Nam.

[7] G.T. Maurits Kwee (Hải Hạnh dịch), (2014), *Một chương trình giảng dạy về Tâm lý học Phật giáo và trị liệu/huấn luyện*, NXB Ban tổ chức Đại lễ Vesak Liên hiệp quốc, Việt Nam.

[8] Phạm Tất Dong, (2008), *Hội nhập quốc tế về giáo dục, giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.

BUDDHIST EDUCATION IN THE CURRENT CONTEXT OF GLOBALIZATION AND INTERNATIONAL INTEGRATION

NGUYEN VAN THONG

Vietnam Buddhist Church of Thua Thien Hue province

Email: dhammavamso@gmail.com

Abstract: *The history of modern Vietnamese Buddhist education began in the 1930s of the XX century with movements promoting Buddhism and international exchanges with the international Buddhist community in the 1950s, 1960s and 1970s and then discontinued objectively in nearly two decades. Similar to the secular education of the country, Vietnamese Buddhist education is experiencing problems in teaching, training and development. Buddhist education was studied from different perspectives. Buddhist scholars, social-cultural researchers, leaders of the Buddhist Church of Vietnam should respect, contribute and join in to carry out all activities to integrate Buddhist education in our country with its international community in the present context.*

Keywords: *Buddhist education; international integration; globalization.*